

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03-8-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng

2. Ông Tạ Kỳ Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị H, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

- *Bị đơn:* anh Phạm Văn T, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-11-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1990, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã H, T. Ngày cưới bên chồng có cho đôi bông tai, chồng bán trả nợ hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà chồng được 01 tháng, thì cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho, sống được 01 năm cha mẹ chồng đuổi chị đi, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh T đến sống với chị, nên cha mẹ chị cho đất cất nhà ở riêng cho đến nay. Thời gian chung sống đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm không phụ tiền cho chị chi phí, mà thường xuyên rượu chè về kiếm chuyện la lối, chửi thề nói tục,

đánh đập chị, anh chửi chị không biết sinh con trai, anh ghen tuông vô cớ, cho rằng chị đi làm công nhân có quan hệ tình cảm với người khác, nhưng chị không có gì cả, có lần anh đánh chị bị chấn thương phần mềm vai và sườn, chị tự mua uống thuốc, chị chịu đựng để sống nuôi con, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai làm nấy sống, không ai nói đến ai, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2017. Do cuộc sống không hạnh phúc, chị cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 03 con chung là Phạm Thị Nhung G, sinh ngày 02-01-1993, Phạm Thị Thùy T1, sinh ngày 02-01-1994 và Phạm Thị Ngọc H1, sinh ngày 28-02-2003, hiện ba cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường xây trên 01 công đất tại ấp L, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, đất do vợ chồng mua, vợ chồng đứng tên giấy đất và đang quản lý, vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-6-2022 bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: anh và chị H tổ chức lễ cưới vào năm 1990, năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại xã G, T. Cưới xong vợ chồng cất nhà ở riêng tại L, H, T cho đến nay. Vợ chồng sống không có mâu thuẫn gì, do vợ muốn bán bò, anh không đồng ý, nên vợ chồng cãi vã từ đó vợ nộp đơn xin ly hôn. Nay vợ xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, do vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau.

- Về con chung: có 03 con như chị H trình bày, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Trường hợp vợ kiên quyết ly hôn thì Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, anh không đến Tòa án làm việc, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần thu thập chứng cứ, nhưng không đến là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Phạm Văn T; về con chung: có 03 người đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: anh chị không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị H và anh T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1990, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2017.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm, nên hay cãi vã gây gổ nhau. Theo chị H là do anh T đi làm không phụ tiền cho chị H chi phí, mà thường xuyên rượu chè về kiếm chuyện la lối, chửi thề nói tục, đánh đập chị, do chị không biết sinh con trai, anh ghen tuông, cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người khác, anh đánh chị bị chấn thương phần mềm, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai làm nấy sống, không ai nói đến ai, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2017. Theo anh T là do chị H đòi bán bò, anh không cho nên chị làm đơn ly hôn. Toà án mời anh T nhiều lần đến công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng anh T không đến, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 03 con là Phạm Thị Nhung G, sinh ngày 02-01-1993, Phạm Thị Thùy T1, sinh ngày 02-01-1994 và Phạm Thị Ngọc H1, sinh ngày 28-02-2003, hiện ba người đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: có 01 căn nhà tường xây trên 01 công đất tại ấp L, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng đứng tên giấy đất và đang quản lý, để tự vợ chồng thỏa thuận, chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị H, anh T khai không có, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị H chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Phạm Văn T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: có 03 con chung là Phạm Thị Nhung G, sinh ngày 02-01-1993, Phạm Thị Thùy T1, sinh ngày 02-01-1994 và Phạm Thị Ngọc H1, sinh ngày 28-02-2003, hiện ba người đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: chị H, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị H, anh T khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phạm Thị H chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027136 ngày 03-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P Lộc Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An